

Số: 866/QĐ-BQL

Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Thông báo số 135/TB-STC ngày 15/9/2020 của Sở Tài chính về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (chi tiết theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ban, Kế toán Ban và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban;
- Công thông tin điện tử của Ban;
- Lưu: VT, VP.

THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2019
*(Kèm theo Quyết định số 866 /QĐ-BQL ngày 28 tháng 9 năm 2020
của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)*

I. Thu, nộp ngân sách nhà nước:

Tổng số phí, lệ phí thu được năm 2019 là: 1.678.941.000 đồng, cụ thể:

1. Thu phí:

a. Phí thẩm định thiết kế cơ sở:

- Tổng số thu: 122.146.000 đồng
- Số phải nộp NSNN(50%): 61.073.000 đồng
- Số được để lại chi theo quy định (50%): 61.073.000 đồng

b. Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công:

- Tổng số thu: 1.542.845.000 đồng
- Số phải nộp NSNN (10%): 154.284.500 đồng
- Số được để lại chi theo quy định (90%): 1.388.560.500 đồng

2. Chi từ nguồn thu phí được để lại:

- Tổng nguồn thu phí được để lại trong năm 2019 là: 1.449.633.500 đồng
- Số đã chi năm 2019 là: 0 đồng.
- Số phí chuyển sang năm 2020 sử dụng là: 1.449.633.500 đồng, trong đó:
Trích 40% số thu phí được để lại để thực hiện nguồn cải cách tiền lương năm 2020 theo quy định: 580.000.000 đồng.
- Số còn lại chuyển sang năm sau sử dụng chi cho nhiệm vụ thu phí: 869.633.500 đồng

3. Lệ phí :

- Thu lệ phí gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện: 1.500.000 đồng;
- Thu lệ phí cấp Giấy phép xây dựng: 12.450.000 đồng.
- 100% số tiền thu lệ phí trên đã được nộp vào NSNN theo đúng quy định.

II. Chi ngân sách nhà nước.

Quyết toán chi NSNN năm 2019 là 3.678.459.780 đồng, bằng 99,6% dự toán giao trong năm là 3.693.000.000 đồng (bao gồm cả giao bổ sung), trong đó:

1. Chi quản lý hành chính: 3.628.459.780 đồng, gồm:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là 3.278.499.780 đồng. Các nhiệm vụ chi tự chủ đã thực hiện gồm:

+ Chi quỹ tiền lương cho công chức và người lao động là: 2.664.510.880 đồng;

+ Chi mua sắm, sửa chữa và các khoản chi khác là 613.988.900 đồng;

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ là: 349.960.000 đồng. Các nhiệm vụ chi không tự chủ đã thực hiện gồm:

+ Chi mua sắm máy vi tính, máy in: 51.960.000 đồng.

+ Mua sắm phần mềm Windows: 36.000.000 đồng

+ Mua sắm thiết bị lưu trữ dữ liệu: 97.000.000 đồng

+ Mua sắm hệ thống báo cháy, chống sét: 28.000.000 đồng

+ Mua sắm điều hòa nhiệt độ: 27.000.000 đồng

+ Mua sắm tủ, bàn ghế làm việc: 55.000.000 đồng

+ Chi hoạt động thông tin đối ngoại (chi trả nhuận bút tin bài đưa lên cổng thông tin điện tử của Ban): 55.000.000 đồng.

2. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 50.000.000 đồng.

Toàn bộ số kinh phí này đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh sử dụng để tổ chức 02 hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp.

3. Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng (Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương): 14.500.220 đồng

4. Kinh phí hủy, trả lại ngân sách nhà nước trong năm: 40.000 đồng,

QUYẾT TOÁN THU - CHI NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 866/QĐ-BQL ngày 28 tháng 9 năm 2020
của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu phí, lệ phí	1.678.941.000	1.678.941.000			
1	Lệ phí	1.664.991.000	1.664.991.000			
1.1	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	122.146.000	122.146.000			
1.2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	1.542.845.000	1.542.845.000			
2	Phí	13.950.000	13.950.000			
2.1	Lệ phí gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện	1.500.000	1.500.000			
2.2	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	12.450.000	12.450.000			
B	Số phí, lệ phí nộp NSNN	229.307.500	229.307.500			
1	Lệ phí	215.357.500	215.357.500			
1.1	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	61.073.000	61.073.000			
1.2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	154.284.500	154.284.500			
2	Phí	13.950.000	13.950.000			
2.1	Lệ phí gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện	1.500.000	1.500.000			
2.2	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	12.450.000	12.450.000			
C	Số phí, lệ phí được để lại theo quy định (A-B)	1.449.663.500	1.449.663.500			
D	Số lệ phí được để lại đã chi được quyết toán	0	0			
E	Số phí, lệ phí	1.449.663.500	1.449.663.500			

	được để lại chuyển sang năm sau					
II	Quyết toán chi NSNN	3.678.459.780	3.678.459.780			
1	Chi quản lý hành chính	3.628.459.780	3.628.459.780			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.278.499.780	3.278.499.780	2.664.510.880	613.988.900	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	349.960.000	349.960.000			
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	50.000.000	50.000.000			
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	50.000.000	50.000.000			